

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/HC-PT

Ngày: 04/3/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang - Thư ký viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 748/2024/TBTL-HC ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 224/2024/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1841/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Bà Võ Cẩm V, sinh năm 1954; nơi cư trú: số D ngõ H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Võ Cẩm H, sinh năm 1956; nơi cư trú: số E, ngách I, ngõ E H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bà Võ Mỹ L, sinh năm 1958; nơi cư trú: số C ngách I, ngõ T, phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ T - chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ - chức vụ: Phó Chủ

tịch. Vắng mặt.

2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Ông Đào Đình N, sinh năm 1958. Vắng mặt.

3. Bà Võ Mỹ D, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng trú tại: số C ngách I, ngõ T, phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:

+ Bản đồ vẽ do Công ty TNHH N2 một thành viên khảo sát và đo đạc H2 đo ngày 29/9/2007 có xác định mốc giới liệt kê tọa độ giả định tại thời điểm năm 2007 thì diện tích sử dụng thực tế là 40,6m².

+ Bản đồ vẽ ngày 12/11/2021 do Công ty CP H2 thực hiện, với hệ quy chiếu tọa độ chuẩn theo bản đồ địa chính chính quy. Theo đo vẽ này thì diện tích sử dụng thực tế của gia đình tôi là 50,8m².

+ Công văn số 499/TAHN ngày 06/05/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xác nhận bố chúng tôi là cụ Võ Hoàng B đã được bố trí cho gia đình vào ở. Các diện tích làm sổ đỏ là các diện tích bếp do gia đình được sự đồng ý của lãnh đạo Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thời điểm đó cho xây dựng, lúc đó TAND thành phố Hà Nội là chủ quản lý đất 48A Lý Thường Kiệt.

+ Chính vì việc đo vẽ tay, kiểm đếm khảo sát bằng tra cứu các dữ liệu tồn kho tại Trụ sở UBND quận H nên diện tích sử dụng thực tế đã làm cho gia đình tôi bị đền bù chưa đúng diện tích, gây thiệt hại cho gia đình tôi, theo số tiền diện tích sử dụng thực tế phải được đền bù trong khoảng là: 50,8m² x 322 triệu đồng/m² = 16,357 tỷ đồng.

- Hiện nay mới chỉ được đền bù với diện tích có trong sổ đỏ (đã bị trừ 1m² do mất khi gia đình hàng xóm chiếm): 38m² - 1m² = 37m² với số tiền được đền bù: 37m² x 161 triệu đồng/m² = 5,95 tỷ đồng.

- Như vậy UBND thành phố H và UBND quận H đã tính thiếu của gia đình còn phải được đền bù là : 16,357 tỷ - 5,95 tỷ (đã nhận) = 10,4 tỷ đồng chưa được nhận.

Về bồi thường tái định cư: Phương án của quận H đã ghi, chúng tôi 1 hộ = 4 người điều này là sai trái. Gia đình chúng tôi có 2 chủ đất như sổ đỏ số AG561049 đã ghi rõ là bà Võ Cẩm V (3 nhân khẩu), bà Võ Mỹ L (6 nhân khẩu). Theo chính sách TĐC của thành phố Hà Nội, quy định nhằm thực hiện Quyết định 10 của UBND thành phố H, Chương II (Bồi thường về đất) Điều 7 (thực hiện điều 79 Luật Đất đai) điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì 1 chủ đất

được bồi thường 1 căn hộ tái định cư không quá 2 lần diện tích đất thì gia đình chúng tôi phải được bồi thường là $50,8\text{m}^2 \times 2 = 106\text{m}^2$ diện tích căn hộ tái định cư. UBND quận H đã cho gia đình chúng tôi được một căn hộ 59m^2 , như vậy còn thiếu là $101,6\text{m}^2 - 59\text{m}^2$ (đã đền bù) = $42,6\text{m}^2$ bồi thường tái định cư chưa được tính, quy ra tiền: $42,6\text{m}^2 \times 6,8 \text{ triệu}/\text{m}^2 = 289.680.000$ đồng (hai trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) chưa được đền bù.

+ Theo chính sách bồi thường tái định cư theo: Chương V Điều 26. Giao đất, bán căn hộ chung cư đối với hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng sống chung trên một thửa đất bị thu hồi (thực hiện khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP). Chúng tôi đề nghị xác minh lại số nhân khẩu của gia đình tại ngôi nhà có 2 chủ đất là bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L. Vì ở đây có sự nhầm lẫn, do hộ khẩu khu vực 1.815m^2 này đều cùng chung 1 số nhà D L, nên nhà tôi bị tính thêm 1 hộ gia đình của anh Võ Quốc H1, nhà anh Võ Quốc H1 không có chủ quyền gì tại nhà chúng tôi, do anh Võ Quốc H1 đã bán nhà cho anh Hạ Quang V1 từ năm 1997. Nhưng vì anh Võ Quốc H1 vẫn để nguyên hộ khẩu tại D L và là anh ruột của Võ Cẩm V và Võ Mỹ L nên đã có sự nhầm lẫn cho rằng gia đình anh Võ Quốc H1 có sổ hộ khẩu tại nhà chúng tôi. Như vậy việc đoàn xác minh quận H cho rằng nhà chúng tôi có tổng nhân khẩu là 15 người là không đúng sự thật. Chúng tôi khẳng định 2 hộ gia đình có tổng số 9 người, 2 cặp vợ chồng là chính xác trong đó bà Võ Cẩm H thường xuyên ở tại nhà này nhưng không đăng ký hộ khẩu tại đây.

+ Căn cứ bồi thường tái định cư tại Chương V này nhà chúng tôi phải được thêm 1 căn hộ tái định cư do có nhiều thế hệ, 2 cặp vợ chồng và có 9 nhân khẩu. Theo Quyết định số 20/QĐ-UBNDTPHN ngày 06/05/2021 điều 1 thì gia đình còn thiếu 1 căn hộ $50,8\text{m}^2$ chưa được đền bù, tương đương số tiền là $50,8\text{m}^2 \times 6,8 \text{ triệu}/\text{m}^2 = 345.440.000$ (ba trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) chưa được đền bù. Như vậy chỉ riêng việc bồi thường tái định cư, UBND quận H đã tính thiếu tổng cộng số tiền là: $289.680.000 + 345.440.000 = 635.120.000$ (sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) của gia đình tôi.

Vì các lý do như trên, chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

Hủy Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H về thu hồi đất.

Hủy Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư.

Hủy Quyết định số 169/QĐ-UBND của UBND quận H về điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Hủy Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Hủy Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND quận H về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Hủy Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND quận H trình bày:

Nguồn gốc, quá trình và hiện trạng quản lý sử dụng 37m² đất do bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L sử dụng tại D L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Ngày 29/10/2007, UBND quận H cấp GCNQSDĐ số AG 561049 với diện tích sử dụng riêng là 38m². Quá trình thi công xây dựng, bà V chỉ xây dựng với diện tích 37m². Diện tích 1,1m² đã được cấp GCN, bà V giao cho ông Hạ Quang V1 (nhà liền kề với bà V) và nhận số tiền 60.000.000 đồng bằng giấy tờ viết tay ngày 20/11/2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký biến động diện tích với cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 04/7/2017, bà V tặng cho một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Võ Mỹ L và được Văn phòng Đ1 ký xác nhận ngày 26/7/2017. Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại diện tích trên đứng tên đồng sở hữu bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L. Tổng diện tích đo đạc thực tế khi GPMB năm 2022 của bà V, bà L là 37m².

Đến thời điểm hiện tại, sau khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ tái định cư tại D L, Tòa án nhân dân tối cao đang quản lý sử dụng toàn bộ khu đất này, trong đó thửa đất 37m² trên để thực hiện công tác trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao theo Quyết định số 44/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Trên cơ sở các quy định trên, việc ban hành các Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc thu hồi đất; Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L. Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND quận H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường T trình bày:

Căn cứ các hồ sơ giấy tờ lưu trữ tại phường, UBND phường T có ý kiến về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng, biến động về đất qua các thời kỳ như sau:

Năm 1988, bà Võ Cẩm V dựng nhà ở trên phần đất trống trong biên số nhà (không rõ diện tích). Sau đó bà V nhận chuyển nhượng 6m² từ bà Võ Mỹ L (bà L nhận chuyển nhượng 6m² từ bà Trần Thị Kim T1 năm 1995, năm 2007 bà L chuyển cho bà V). Tháng 8/2007, bà Võ Cẩm V có đơn xin cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68+74, diện tích 38m² (gồm diện tích bà V xây dựng nhà trên phần đất trống trong biển số nhà D L và 6m² bà L chuyển nhượng cho bà V).

Ngày 29/10/2007, UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 561049 với diện tích sử dụng riêng là 38m². Quá trình thi công xây dựng, bà V chỉ xây dựng với diện tích 37m². Diện tích 1,1m² đã được cấp GCN, bà V giao cho ông Hạ Quang V1 (nhà liền kề với bà V) bằng giấy tờ viết tay ngày 20/11/2009 nhưng không làm thủ tục đăng ký biến động diện tích với cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 04/7/2017, bà V tặng cho một phần QSH nhà ở và QSD đất ở cho bà Võ Mỹ L và được Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh khu vực B - H - Đ ký xác nhận ngày 26/7/2017. Toàn bộ QSH nhà ở và QSD đất ở tại diện tích trên đứng tên đồng sở hữu bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L. Tổng diện tích đo đạc thực tế khi GPMB năm 2022 của bà V - bà L là 37m².

Nay bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L khởi kiện đối với UBND thành phố H về việc khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, UBND phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2024/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2024, người khởi kiện bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Người bị kiện: Có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ vào các ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện; thẩm quyền giải quyết: Ngày 22/7/2022, người khởi kiện có đơn đề nghị hủy các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình quản lý đất đai. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ nhiều lần, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử khi có đương sự vắng mặt.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của người khởi kiện bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L, Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ quyết định bị khởi kiện và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn ban hành Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H về thu hồi đất; Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 169/QĐ-UBND của UBND quận H về điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư; Quyết định 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất: Các quyết định hành chính nêu trên do Chủ tịch và UBND quận H

ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai 2013; đúng trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành theo khoản 1 Điều 34 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

[3.1] Xét tính có căn cứ của Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc thu hồi đất; Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch và UBND quận H.

[3.2] Về vấn đề bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L không đồng ý kết quả đo đạc của Tổ công tác do nội dung biên bản kiểm đếm, đo đạc không tuân thủ theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 34 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H:

Ngày 05/6/2021, Tổ công tác thực hiện dự án đã tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất và thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với chủ sử dụng nhà đất: bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L. Ngày 24/11/2021, Tổ công tác đã tiến hành phúc tra số liệu diện tích đất, diện tích nhà và tài sản gắn liền với đất theo đề nghị của chủ sử dụng nhà đất: bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L. Bà V và L sử dụng 38m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận. Sau khi chuyển cho ông Hạ Quang V1 phần diện tích 1,1m²; đo đạc thực tế, gia đình bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L đang sử dụng với diện tích là 37,0m² là hoàn toàn phù hợp.

Đối với Hồ sơ trích đo địa chính thửa đất do Công ty Cổ phần địa chính và khảo sát đo đạc Hà Nội đo vẽ ngày 12/11/2021 do gia đình cung cấp với diện tích 50,8m² là đo theo hiện trạng ranh giới thửa đất do chủ sử dụng đất tự chỉ dẫn. Tại hồ sơ trích đo địa chính thửa đất đã ghi rõ: “Hồ sơ này chỉ có giá trị xác định vị trí và diện tích thửa đất, không xác nhận quyền sử dụng đất”. Phần diện tích 50,8m² bao gồm diện tích nhà chính và sân trước cửa của gia đình, phần diện tích chung của số nhà. Căn cứ Công văn số 3003/UBND-GPMB ngày 10/9/2021 của UBND thành phố H là không có cơ sở để xem xét bồi thường đối với tổng diện tích 50,8m².

Việc đo đạc diện tích đất, nhà của gia đình bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 34 của Bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H. Diện tích đất của gia đình bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L đã được đo đạc theo hiện trạng sử dụng và hồ sơ quản lý. Do đó, kết quả đo đạc của Tổ công tác là đúng.

[3.3] Các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh tụng xác định được: Toàn bộ quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở bị thu hồi đứng tên đồng sở hữu bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L; đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 561049 ngày 29/10/2007. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện diện tích là 38m² nhưng thực tế bà V giao cho ông Hạ Quang V1 (nhà

liên kê với bà V) bằng giấy tờ viết tay ngày 20/11/2009. Thực tế bà V xây dựng và quản lý sử dụng chỉ có 37m² đất. Do đó Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc thu hồi đất; Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chỉ thu hồi và bồi thường cho bà V, bà L với 37m² đất là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

[3.4] Về vấn đề bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L cho rằng giá đền bù tại Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND thành phố H quá thấp, không đúng theo giá thị trường, gây tổn thất, xâm phạm trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp của gia đình bà tại D L. Quyền lợi của người khởi kiện chưa được giải quyết thỏa đáng đã ban hành Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021: Ngày 12/10/2021, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao số D L, quận H, Hà Nội (GĐ2), cụ thể: Vị trí 1: 322.100.000 đồng/m², Vị trí 1 - tầng 1: 225.404.000 đồng/m², Vị trí 2: 151.371.000 đồng/m², Vị trí 3: 119.144.000 đồng/m², Vị trí 4: 103.064.000 đồng/m², Vị trí 4 - tầng 1: 61.819.000 đồng/m².

Căn cứ khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định về giá đất: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể ...”. Việc xác định giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao số D L, quận H, thành phố Hà Nội (GĐ2) thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H. UBND quận H căn cứ vào giá đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND thành phố H để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao số D L, quận H, thành phố Hà Nội (GĐ2) là đúng quy định.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có).” Vì vậy, việc UBND quận H ban hành Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 là đúng quy định pháp luật.

[3.5] Về vấn đề bà V, bà L cho rằng phải được bồi thường hỗ trợ theo vị trí 1 phố L: Căn cứ khoản 2 Điều 3 của Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về nguyên tắc xác định vị trí đất: “Vị trí 1: áp dụng đối với thửa đất của một chủ sử dụng có ít

nhất một cạnh (mặt) giáp với đường (phố) có tên trong bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này;.... Vị trí 4: áp dụng đối với thửa đất của một chủ sử dụng có ít nhất một cạnh (mặt) giáp với ngõ có mặt cắt ngõ nhỏ nhất (tính từ chỉ giới hê đường (phố) có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ) dưới 2m". Vị trí đất của gia đình đang sử dụng được xác định là vị trí 4 phố Lý Thường K hoàn toàn phù hợp quy định hiện hành và đúng theo nguyên tắc xác định vị trí thửa đất. Do đó, bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L đề nghị được bồi thường hỗ trợ theo vị trí 1 phố Lý Thường K là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.6] Về yêu cầu hưởng chính sách hỗ trợ khác về đất là 202.956.000 đồng/m²: Căn cứ Công văn số 3003/UBND-GPMB ngày 10/9/2021 của UBND thành phố H, chính sách hỗ trợ khác về đất áp dụng đối với 04 hộ dân đã được cấp GCN theo Nghị định 60/NĐ-CP (01 hộ vị trí 3 và 03 hộ vị trí 4) cho phép hỗ trợ khác bằng giá trị chênh lệch giữa 50% giá đất cụ thể vị trí 1 trừ đi giá đất cụ thể tại vị trí đất thực tế". Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 561049 do UBND quận H cấp ngày 20/10/2007 cho bà Võ Cẩm V theo Nghị định 60/NĐ-CP của Chính phủ đồng thời, vị trí thửa đất của gia đình bà được xác định là tại vị trí D phố L, bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L được hỗ trợ khác về đất là: $50\% \times 322.100.000 - 103.064.000 = 57.986.000$ (đồng/m²). Do đó, việc bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L yêu cầu được hưởng chính sách hỗ trợ khác về đất là 202.956.000 đồng/m² là không có căn cứ chấp nhận.

[3.7] Về vấn đề bà V, bà L yêu cầu được bố trí thêm 01 căn hộ tái định cư: Căn cứ khoản 1 Điều 26 của bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: ***"Trường hợp trong hộ gia đình được bồi thường về đất ở có nhiều thế hệ, đông nhân khẩu, nhiều cặp vợ chồng ăn ở thường xuyên tại địa chỉ giải phóng mặt bằng từ trước khi có Thông báo thu hồi đất, cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định tại Điều 7 của Quy định này, còn được xem xét bổ sung nhà tái định cư như sau:***

a) Trường hợp đông nhân khẩu, nhiều thế hệ (có từ 7 (bảy) nhân khẩu trở lên): Được bán thêm 01 (một) căn hộ tái định cư. Tổng diện tích các căn hộ tái định cư không vượt quá 3 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường. Phần diện tích vượt quá 3 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi phải mua theo giá bán nhà do Ủy ban nhân dân thành phố quy định nhân hệ số K= 1,1.

b) Trường hợp nhiều cặp vợ chồng: Mỗi cặp vợ chồng được mua 01 (một) căn hộ tái định cư (bao gồm cả căn hộ được bồi thường theo quy định tại Điều 7 của Quy định này). Tổng diện tích các căn hộ tái định cư không vượt quá 03 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường. Phần diện tích vượt quá 03 (ba) lần diện tích đất ở bị thu hồi phải mua theo giá bán nhà do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định nhân hệ số K=1,1"

Căn cứ xác nhận của Công an phường T, UBND phường T xác nhận hộ gia đình bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L đang thực tế ăn ở thường xuyên tại nơi thu hồi đất (số D L, quận H, thành phố Hà Nội) là 01 cặp vợ chồng; (04 nhân khẩu). Bao gồm: Bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ D, bà Võ Mỹ L và ông Đàm Đình N1 (chồng bà Võ Mỹ L). Đối chiếu với quy định nêu trên, hộ gia đình bà V, bà L không đủ điều kiện. Do đó, việc bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L đề nghị thêm suất bố trí tái định cư tại Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H là không đúng.

[3.8] Về yêu cầu hỗ trợ mất việc làm đối với bà Võ Mỹ D bằng 300 triệu đồng: Bà Võ Mỹ D có tên trong hộ khẩu (là em bà Võ Cẩm V), hiện đang ăn ở thực tế tại địa chỉ D L trước khi có Thông báo thu hồi đất. Bà Võ Mỹ D có tự ý sử dụng một phần diện tích chung trong biên số nhà D L để thực hiện việc trồng giữ phương tiện không đúng quy định. Căn cứ điểm g khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và khoản 3 Điều 21 của bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, bà Võ Mỹ D không phải là đối tượng để được áp dụng chính sách hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc và chỉ được hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 1 Điều 21, khoản 1 và điểm e khoản 3 Điều 24 của bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H. Mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Võ Mỹ D đã được áp dụng tại Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND quận H. Do đó yêu cầu này của bà D không có căn cứ chấp nhận.

[3.9] Về vấn đề bà V, bà L cho rằng Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình: Ngày 01/12/2021, UBND quận H ban hành Quyết định 7020/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BTHT&TĐC gia đình bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L chưa lựa chọn phương án nhận nhà tái định cư hay nhận tiền hỗ trợ tự lo tái định cư theo quy định tại Điều 35 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H. Do đó tại khoản 1, mục II Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Bồi thường về đất và tái định cư - Bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư đã khấu trừ tiền mua nhà tái định cư là 1.442.921.473 đồng.

Đến ngày 08/12/2021 bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L có đơn về việc tự lo tái định cư. Nên ngày 19/01/2022, UBND quận H đã ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND, trong đó có nội dung hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với chủ sử dụng đất bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L tại D L, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND Thành phố H, việc UBND quận H ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 là đúng quy định và theo nguyện vọng của gia đình bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L.

[3.10] Về tính có căn cứ của Quyết định 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND quận H: Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đã vận động thuyết phục nhưng các hộ dân vẫn không bàn giao mặt bằng. Chủ tịch UBND quận H đã quyết định cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Đất đai.

[4] Xét trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, tính có căn cứ của Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND quận H; Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H: Sau khi nhận đơn khiếu nại của bà V, bà L, người bị khiếu nại đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, căn cứ kết quả xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn. Do khiếu nại của bà V, bà L không có căn cứ nên người giải quyết khiếu nại giữ nguyên các quyết định bị khiếu nại là đúng quy định Điều 15, Điều 21, Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại 2011. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của bà V, bà L là đúng.

[5] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm đã phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi: bác yêu cầu của bà Võ Cẩm V, bà Võ Mỹ L về việc hủy các Quyết định số 6984/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc thu hồi đất; Quyết định số 7020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch và UBND quận H. Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND quận H; Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên toàn bộ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho bà V, bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2024/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Võ Cẩm V và bà Võ Mỹ L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến